



Một góc làng An Mỹ - ảnh Hồng Việt, 2014

Về địa giới, Cẩm Phó phụ lữ xã Đông giáp xã Thanh Hà, xã An Mỹ, xã Hà My, xã Hoa Phó, xã phụ lữ Hội An, xã Minh Hương, lấy bờ sông làm giới; Tây giáp xã Thanh Hà, xã Viêm Minh, xã Hoa Phó, xã Hà My; Nam giáp xã Minh Hương, xã phụ lữ Hội An, xã Hoa Phó; Bắc giáp xã Thanh Hà, xã Hoa Phó, xã Hà My, xã Tân An, lập cột đá làm giới.

Toàn diện tích xã là 648.1.9.5 (đọc là 648 mẫu 1 sào 9 thước 5 tấc) gồm công điền là 150 mẫu 9 thước 5 tấc; Tư điền là 111 mẫu 5 sào 9 thước 3 tấc; Tư thổ (trồng dâu) là 28 mẫu 2 sào, 10 thước 7 tấc; Thần từ Phật tự là 1 mẫu 9 sào 10 thước; Mộ địa là 199 mẫu 4 sào; Cát trắng là 150 mẫu 9 sào.

Ngoài ra, có Khe 950 tầm, 3 thước; Thủy đạo 695 tầm; Ao 2 sỡ.

1.3. Đông An xã

Về địa giới, Đông An xã Đông giáp xã Phong Hộ, xã phụ lữ Hội An, lập cột đá làm giới; Tây giáp xã Cỏ Trai, xã phụ lữ Hội An, lập cột đá làm

giới; Nam giáp sông; Bắc giáp xã phụ lữ Hội An, lập cột đá làm giới.

Toàn diện tích xã là 7.8.2.7.9 (đọc là 7 mẫu 8 sào 2 thước 7 tấc 9 phân) gồm Tư thổ là 1 mẫu 3 sào 3 thước 5 tấc; Thần từ Phật tự là 3 sào 7 thước 6 tấc 2 phân; Mộ địa là 6 mẫu 1 sào 6 thước 6 tấc 7 phân.

1.4. Hoa Phó xã

Về địa giới, Hoa Phó xã Đông giáp xã Viêm Minh, xã An Mỹ, xã Thanh Châu (thuộc Võng Nhi, Hòa Vang), xã Đê Võng; Tây giáp xã Cẩm Phó, xã Hội An, xã Phong Hộ, lập cột đá làm giới; Nam giáp xã Cẩm Phó; Bắc giáp xã Diêm Hộ.

Toàn diện tích xã là 302.6.1.4.5 (đọc là 302 mẫu 6 sào 1 thước 4 tấc 5 phân) gồm Công điền là 61 mẫu 3 sào 14 thước 2 tấc; Tư điền là 104 mẫu 7 sào 10 thước 5 tấc; Công thổ là 22 mẫu 2 sào 1 thước 7 tấc 2 phân; Tư thổ là 8 mẫu 1 sào 12 thước 3 phân; Tư điền của người khác là 17 mẫu 5 sào 8 thước 5 tấc; Thần từ Phật tự là 1 mẫu; Mộ địa là 50 mẫu 8 sào 13 thước; Hoang nhàn thổ phụ là 36 mẫu 6 sào 1 thước 5 tấc.

1.5. Hòa An xã

Về địa giới, Hòa An xã Đông giáp xã Thanh Hà, lập cột gỗ làm giới; Tây, Nam, Bắc đều giáp xã Thanh Hà.

Toàn diện tích xã là 30.0.0.0 (đọc là 30 mẫu), gồm Tư thổ (cát) là 15 mẫu; Cát trắng là 10 mẫu 3 sào; Thần

từ là 1 mẫu 3 sào 3 thước; Mộ địa là 3 mẫu 3 sào 12 thước.

1.6. Hội An phụ lũy xã

Về địa giới; Hội An phụ lũy xã Đông giáp xã Hoa Phố, xã Minh Hương (*biệt nạp doanh trực lệ Quảng Nam*), xã Đông An, xã Cổ Trai; Tây giáp xã phụ lũy Cẩm Phố, lập cột đá làm giới; Nam giáp xã Phong Hộ, lập cột đá làm giới; Bắc giáp xã phụ lũy Cẩm Phố, lập cột đá làm giới.

Toàn diện tích xã là 48.6.8.1 (*đọc là 48 mẫu 6 sào 8 thước 1 tấc*), gồm Tư thổ (cát) là 2 mẫu 4 sào 11 thước 6 tấc; Mộ địa là 46 mẫu 1 sào 11 thước 5 tấc.

1.7. Minh Hương biện nạp xã

Về địa giới, xã Minh Hương Đông giáp xã Hội An, xã Cổ Trai, lập cột đá làm giới; Tây giáp xã Cẩm Phố, lập cột đá làm giới; Nam giáp sông; Bắc giáp xã Cẩm Phố, lập cột đá làm giới.

Toàn diện tích xã là 17.7.10.9 (*đọc là 17 mẫu 7 sào 10 thước 9 tấc*), gồm Tư thổ (cát) là 12 mẫu 4 sào 14 thước 7 tấc; Thần từ thổ là 5 mẫu 2 sào 11 thước 2 tấc.

1.8. Phong Hộ xã

Về địa giới; xã Phong Hộ Đông giáp xã Hoa Phố, lấy miếu làm giới; Tây giáp xã Đông An, lập cột đá làm giới; Nam giáp xã Hoa Phố và sông; Bắc giáp xã Hội An, lập cột đá làm giới.

Toàn diện tích xã là 7.7.7.0 (*đọc là 7 mẫu 7 sào 7 thước*), gồm Mộ địa là 3 mẫu 5 sào; Cát trắng là 4 mẫu 2 sào 7 thước.

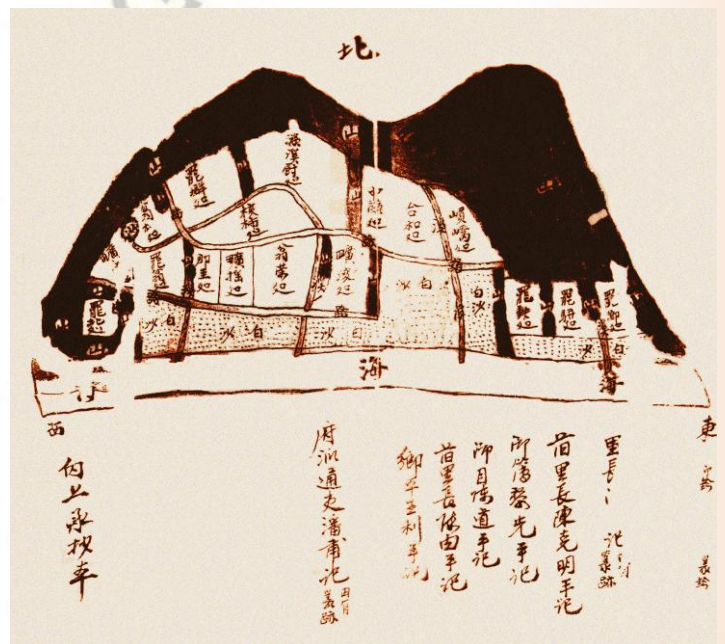
1.9. Tân An xã

Về địa giới; xã Tân An Đông giáp xã Thanh Hà, lấy bờ ruộng làm giới; Tây giáp xã Thanh Hà; Nam giáp xã phụ lũy Cẩm Phố, lập cột đá làm giới; Bắc giáp xã Thanh Hà, lập cột gỗ làm giới.

Toàn diện tích xã là 20.0.0.0 (*đọc là 20 mẫu*), gồm Tư thổ là 4 mẫu; Thần từ là 1 sào; Mộ địa là 10 mẫu 5 sào; Hoang nhân là 5 mẫu 4 sào.

1.10. Thanh Hà xã

Về địa giới, xã Thanh Hà Đông giáp xã phụ lũy Cẩm Phố, xã An Tân, xã An Mỹ, phường Xuân Mỹ (*tổng An Nhơn Trung*), châu Kim Bồng (*thuộc Hoa Châu, huyện Duy Xuyên*); xã Hòa An, lập cọc gỗ làm giới; Tây giáp xã Phú Chiêm (*tổng An Nhơn Trung*), xã Lai Nghi, xã An Lưu; Nam giáp xã An Mỹ, xã Tân An và sông; Bắc giáp xã Tân An, xã Hòa An, lập cọc gỗ làm giới.



Hòn Lao trong địa bộ xã Tân Hiệp thời Bảo Đại

Toàn diện tích xã là 2295.9.14.9 (đọc là 2295 mẫu 9 sào 14 thước 9 tấc) gồm Công điền là 190 mẫu 2 sào 1 thước 5 tấc; Tư điền là 290 mẫu 8 sào 11 thước 3 tấc; Công thổ là 4 mẫu 3 sào; Tư thổ là 5 mẫu 5 sào 1 tấc; Công điền cho nơi khác là 1 sào; Tư điền của người nơi khác là 1 mẫu 6 sào; Thần từ Phật tự là 5 mẫu; Mộ địa là 372 mẫu 2 sào 14 thước; Thổ phụ là 260 mẫu 1 sào 8 thước; Hoang nhàn là 1165 mẫu 9 sào 10 thước.



Đình Đê Vông

2. Các làng xã thuộc thuộc Vông Nhi, huyện Hòa Vang, phủ Điện Bàn

2.1. Đại An xã

Về địa giới, xã Đại An Đông giáp xã phụ lũy Phúc An, lại giáp xã Thanh Hà (tổng Phú Chiêm hạ, huyện Diên Khánh) và biển; Tây giáp xã Hà My (tổng Phú Chiêm hạ), lập cọc gỗ làm giới; Nam giáp xã Thanh Hà (tổng Phú Chiêm hạ), lập cọc gỗ làm giới; Bắc giáp xã Hà Mỹ (tổng Phú Chiêm hạ), lập cọc gỗ làm giới.

Toàn diện tích xã là 869.2.10.0 (đọc là 869 mẫu 2 sào 10 thước), gồm Cát trắng là 450 mẫu 6 sào 10 thước; Hoang nhàn là 418 mẫu 6 sào.

2.2. Đê Vông xã

Về địa giới, xã Đê Vông Đông giáp xã Hoa Phố (tổng Phú Chiêm hạ), lấy bờ ruộng làm giới; Tây, Bắc giáp xã Hoa Phố, xã An Mỹ (đều thuộc tổng Phú Chiêm hạ); Nam giáp xã Hoa Phố (tổng Phú Chiêm hạ).

Toàn diện tích xã là 24.4.8.6 (đọc là 24 mẫu 4 sào 8 thước 6 tấc), gồm Tư điền là 2 mẫu 9 sào 8 thước 6 tấc; Thần từ là 1 mẫu 4 sào 4 thước; Cát trắng là 20 mẫu 11 thước.

* Đê Vông xã (phụ chép năm Minh Mạng thứ 12 – 1831):

- Không có tứ vi.
- 1 sở khẩu để trúc đăng.

2.3. Tân Hiệp phường

Về địa giới, phường Tân Hiệp Đông giáp biển và núi; Tây giáp núi; Nam giáp biển và núi; Bắc giáp biển.

Toàn diện tích phường là 27.9.5.0 (đọc là 27 mẫu 9 sào 5 thước), gồm Tư điền là 16 mẫu 8 sào 3 thước; Thần từ là 4 sào 2 thước; Hoang nhàn là 10 mẫu 7 sào.

2.4. Thanh Châu xã

Về địa giới, xã Thanh Châu Đông giáp xã Hoa Phố (tổng Phú Chiêm hạ, Diên Khánh) và sông; Tây giáp xã phụ lũy Cẩm Phố, xã An Mỹ, xã Hoa Phố

(đều thuộc tổng Phú Chiêm hạ) và sông; Nam, Bắc giáp xã Hoa Phố và sông.

Toàn diện tích xã là 409.1.8.7 (đọc là 409 mẫu 1 sào 8 thước 7 tấc), gồm Tư điền là 367 mẫu 3 sào 11 thước 2 tấc; Tư thổ là 4 sào 7 thước 5 tấc; Thần từ là 1 mẫu 1 sào 5 thước; Mộ địa là 6 mẫu 6 sào; Hoang nhân là 33 mẫu 6 sào.

3. Các làng xã thuộc thuộc Hoa Châu, huyện Duy Xuyên, phủ Thăng Hoa

3.1. Kim Bồng châu

Về địa giới, Kim Bồng châu Đông giáp xã phụ lý Cẩm Phố, xã Thanh Hà (đều thuộc tổng Phú Chiêm hạ, huyện Diên Khánh), châu Hà Da, châu Trà Nhiêu và sông; Tây giáp xã An Phúc (tổng An Lạc hạ), xã Phú Chiêm (tổng An Nhơn trung, huyện Diên Khánh);

Nam giáp xã phụ lý Cẩm Phố (tổng Phú Chiêm hạ) và sông; Bắc giáp xã Thanh Hà, lầy bờ ruộng làm giới.

Toàn diện tích là 544.9.4.6.5.5 (đọc là 544 mẫu 9 sào 4 thước 6 tấc 5 phân 5 ly), gồm Tư thổ là 518 mẫu 4 sào 3 thước 1 tấc 5 phân 5 ly, trong đó Thực trung là 447 mẫu 6 sào 3 thước 8 tấc 5 ly, Lư hoang là 70 mẫu 7 sào 14 thước 3 tấc 5 phân; Thần từ là 10 mẫu 1 sào 14 thước 5 tấc; Mộ địa là 10 mẫu 3 sào 2 thước; Hoang nhân, cát là 6 mẫu.

Ngoài ra có khe 50 tầm.

Tóm lại, những làng xã ở Hội An được đề cập trong tập sách cung cấp nhiều thông tin có giá trị để nghiên cứu về lịch sử hình thành và phát triển làng xã Hội An nói riêng, Quảng Nam nói chung



Một góc làng Kim Bồng - Ảnh: Hồng Việt.